

# Một số đặc điểm của trí thức Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp

Nguyễn Thanh Hóa<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Trí thức Việt Nam trong bất kỳ giai đoạn nào cũng có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự hưng vong của đất nước. Lịch sử chống giặc ngoại xâm của Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945-1954) in đậm sự đóng góp to lớn của tầng lớp trí thức trong cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của toàn dân. Bài viết tập trung phân tích một số đặc điểm của trí thức Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp, qua đó rút ra những nhận định bước đầu về tầng lớp này.

**Từ khóa:** Trí thức, Tầng lớp trí thức, Trí thức tham gia kháng chiến

**Abstract:** Intellectuals in Vietnam, at any stage, have an important role in the development of the country. The history of Vietnam's struggle against foreign invasions, especially the war of resistance against the French (1945-1954), was imbued with their significant contributions in the unyielding struggle of the people. The article focuses on the characteristics of Vietnamese intellectuals in the anti-French resistance war and draws initial insights into the intellectual class in this historical period.

**Keywords:** Intellectuals, Intellectual Class, Intellectuals Joining the Resistance War

## 1. Mở đầu

Lịch sử các dân tộc đều in dấu đậm nét vai trò của trí thức. Lịch sử Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật đó. Trí thức là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) ở Việt Nam là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh, đã huy động được sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc, thực hiện nhiệm vụ giải phóng đất nước khỏi sự xâm lược

lần thứ hai của thực dân Pháp. Trong cuộc kháng chiến này, trí thức Việt Nam có vị trí và vai trò quan trọng ở hầu hết các lĩnh vực: giáo dục, y tế, kinh tế - tài chính, văn học - nghệ thuật, quân sự - quốc phòng, xây dựng thể chế, hiến pháp..., góp phần làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến. Dựa trên nguồn tài liệu, thông tin thu thập được từ những công trình, ấn phẩm về cuộc đời, tiểu sử của các trí thức Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã được xuất bản hoặc qua nhiều nguồn khác nhau trên các trang web, chúng tôi lựa chọn 300 trí thức Việt Nam thời kỳ này để khảo cứu

<sup>(\*)</sup> NCS. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam; Email: nguyenthanhhoa@cpd.vn

về một số đặc điểm của tầng lớp này như: nguồn gốc xuất thân; trình độ học vấn; mức độ tham gia cách mạng của trí thức; các thể hệ trí thức tham gia kháng chiến. Trên cơ sở những kết quả thu được, chúng tôi tính toán và đưa ra những con số thống kê để phân tích những nội dung liên quan đến đặc điểm của trí thức thời kỳ này<sup>(\*)</sup>.

## 2. Nguồn gốc xuất thân<sup>(\*\*)</sup>

Phân tích bước đầu 300 trí thức tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp cho thấy, trí thức thời kỳ này có nguồn gốc xuất thân từ nhiều thành phần khác nhau.

**Bảng 1: Thành phần xuất thân của các trí thức**

Thành phần	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nông dân	16	5,3
Quan lại	28	9,3
Tư sản, tiểu tư sản	12	4,0
Công chức, viên chức	21	7,0
Thợ thủ công	15	5,0
Điền chủ, địa chủ	15	5,0
Nhà Nho	146	48,7
Thành phần khác	47	15,7
<b>Tổng cộng</b>	<b>300</b>	<b>100</b>

Theo số liệu bảng 1, tỷ lệ trí thức xuất thân từ gia đình Nho học chiếm 48,7%. Các trí thức này được sinh ra trong những gia đình có cha mẹ thuộc tầng lớp có chữ nghĩa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền Nho học, do vậy họ được khuyến khích học hành và có điều kiện hưởng thụ nền giáo dục trong gia đình cũng như ít nhiều chịu ảnh hưởng của nền giáo dục Nho học; trong số họ có

(\*) Nghiên cứu về trí thức thời kỳ này, chúng tôi dựa vào quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi coi họ là những lao động trí óc, “là thầy giáo, thầy thuốc, kỹ sư, những nhà khoa học, văn nghệ, những người làm bàn giấy...” (*Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 5, 2000: 202).

(\*\*) Tầng lớp xã hội của cha mẹ, gia đình trí thức.

những người có bằng cử nhân Hán học hoặc từng làm các chức quan trong triều đình nhà Nguyễn.

Trong số 300 trí thức, một bộ phận lớn trí thức xuất thân trong các gia đình có truyền thống Nho học, có điều kiện học hành đầy đủ, điển hình như trường hợp Đặng Thai Mai (1902-1984). Ông sinh ra trong một gia đình Nho học yêu nước ở làng Lương Điền (nay là xã Thanh Xuân), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Thân phụ của ông là Đặng Nguyên Cẩn (1867-1923), là chí sĩ trong lịch sử cận đại Việt Nam, từng đỗ phó bảng, tham gia phong trào Duy Tân cùng với Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, bị thực dân Pháp bắt, đày đi Côn Đảo<sup>(\*)</sup>. Trường hợp thứ hai là Đào Duy Anh (1904-1988). Ông cũng xuất thân trong gia đình có truyền thống Nho học, chịu ảnh hưởng lớn của nền giáo dục Nho học<sup>(\*\*)</sup>. Ngoài ra còn có một số trí thức khác như: Tố Hữu, Đặng Vũ Hỷ, Đặng Phúc Thông, Hoàng Trung

(\*) Đặng Thai Mai là người giỏi chữ Hán, chữ Pháp, từng theo học tại Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương, tham gia Đảng Tân Việt, cùng với Phan Thanh, Võ Nguyên Giáp... lập ra Trường tư thục Thăng Long. Năm 1936, ông cùng Nguyễn Văn Tố, Vương Kiêm Toàn, Phan Thanh, Võ Nguyên Giáp... thành lập Hội Truyền bá Quốc ngữ. Trong kháng chiến chống Pháp, Đặng Thai Mai từng là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thanh Hóa, Hội trưởng Hội Văn hóa Việt Nam, Giám đốc Trường Dự bị đại học và Sư phạm cao cấp Liên khu 4...

(\*\*) Đào Duy Anh từng tham gia Đảng Tân Việt và có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về lịch sử, văn hóa Việt Nam. Trong kháng chiến chống Pháp, Đào Duy Anh hoạt động trong Chi hội văn nghệ Liên khu IV. Năm 1950, ông được mời ra Việt Bắc làm Trưởng Ban Sử - Địa thuộc Vụ Văn học Nghệ thuật, Bộ Giáo dục. Năm 1952, ông giảng dạy tại Trường Dự bị đại học, Thanh Hóa. Năm 1954, sau khi hòa bình lập lại, ông trở về Hà Nội giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa.

Thông, Hoàng Đạo Thúy, Khuất Duy Tiên, Nguyễn Văn Tô, Nguyễn Tuấn, Đỗ Đức Dục,...

Bên cạnh đó, trí thức xuất thân trong gia đình quan lại chiếm số lượng khá lớn (9,3%). Điều này được lý giải là do nhóm trí thức này có điều kiện học hành hơn các thành phần xã hội khác, tiêu biểu như: Hồ Đắc Di, Hồ Đắc Ân, Hồ Đắc Diễm, Bùi Bằng Đoàn, Đặng Văn Hường, Nguyễn Công Hoan, Tôn Thất Tùng, Hoàng Thụy Ba, Lê Đình Thám, Hoàng Tích Chù...; Tiếp đến là nhóm trí thức xuất thân từ thành phần gia đình công chức, viên chức chiếm 7,0%. Một số trí thức xuất thân từ gia đình có cha là công chức hoặc viên chức cho chính quyền Pháp như: Thạch Lam, Thế Lữ, Trần Đức Thảo, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Mạnh Tường...

Nhóm trí thức chiếm số lượng thấp nhất xuất thân từ thành phần gia đình tư sản, tiểu tư sản là 4,0%, nông dân là 5,3%, điền chủ, địa chủ và thợ thủ công đều chiếm 5,0%. Một số trí thức xuất thân trong các gia đình tư sản, tiểu tư sản như: Phạm Huy Thông, Bùi Xuân Phái, Kha Vạng Cân, Vi Huyền Đắc...; một bộ phận trí thức xuất thân từ nông dân, tiêu biểu như: Nam Cao, Nguyễn Hồng, Hồ Hữu Tường, Lê Văn Hiến, Bô Xuân Luật...; một số trí thức xuất thân trong các gia đình điền chủ, địa chủ như: Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Thủ, Trần Văn Giàu, Huỳnh Thiện Lộc...; một số trí thức xuất thân từ gia đình có cha làm thợ thủ công, gồm: Kim Lân, Tô Hoài, Tú Mỡ, Lưu Văn Lang... Còn những trí thức có nguồn gốc xuất thân khác như: tầng lớp trung lưu, làm những nghề khác hoặc không rõ nguồn gốc chiếm 15,7%.

Trong kháng chiến chống Pháp, một số trí thức là những quan lại từng hoạt động dưới chế độ cũ đã tham gia kháng chiến, đó là: Vi Văn Định, Phạm Khắc Hòe, Đặng Văn Hường; những thành viên của Chính phủ Trần Trọng Kim gồm: Phan Kế Toại (Khâm sai đại thần ở Bắc bộ thời Chính phủ Trần Trọng Kim), Phan Anh, Trần Đình Nam, Trịnh Đình Thảo, Vũ Văn Hiến...

Nhìn chung, nguồn gốc xuất thân của trí thức Việt Nam thời kỳ này khá đa dạng và phong phú. Các trí thức có nguồn gốc xuất thân từ nhiều thành phần gia đình khác nhau như nông dân, nhà Nho, công chức - viên chức, thợ thủ công, tư sản - tiểu tư sản, điền chủ - địa chủ. Trong đó, phần lớn trí thức xuất thân trong những gia đình có truyền thống học hành, có điều kiện về mặt kinh tế, tài chính, do đó họ có thể theo học những ngôi trường uy tín trong hoặc ngoài nước.

### 3. Trình độ học vấn

Số liệu thống kê tại bảng 2 cho thấy, trí thức tham gia kháng chiến thời kỳ này có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm tỷ lệ lớn (63,67%); trình độ tú tài (tương đương với trình độ trung học phổ thông hiện nay) và trình độ thành chung hoặc đang học dở dang (tương đương với hệ thống trung

Bảng 2: Trình độ học vấn của các trí thức

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Đại học, cao đẳng	191	63,67
Tú tài	19	6,33
Thành chung hoặc đang học dở dang	44	14,7
Trình độ khác	46	15,3
<b>Tổng cộng</b>	<b>300</b>	<b>100</b>

học cơ sở hiện nay) chiếm 6,33% và 14,7%. Hai nhóm trí thức này được đào tạo bởi các trường trong nước hoặc nước ngoài. Những người có trình độ khác chiếm 15,3%, là những người chỉ tốt nghiệp bậc tiểu học hoặc tự học.

Trong tổng số 300 trí thức được khảo cứu, có 55 trí thức được đào tạo ở nước ngoài (Pháp, Đức, Nhật..., trong đó chủ yếu là Pháp), chiếm 18,33%. Đây là tỷ lệ khá cao so với điều kiện, hoàn cảnh chính trị-xã hội đất nước lúc bấy giờ. Những gương mặt trí thức tiêu biểu thời kỳ này gồm có: Nguyễn Văn Huyền, Hồ Đắc Di, Trần Hữu Tước, Lê Văn Thiêm, Trần Đại Nghĩa, Đặng Văn Ngữ, Phan Anh, Vũ Đình Hòe, Đặng Thai Mai, Hoàng Minh Giám... Có thể nhận thấy, trí thức thời kỳ này có trình độ học vấn cao, sớm chiếm lĩnh các mặt trận văn hóa, giáo dục, khoa học..., trở thành những người đi tiên phong, tổ chức xây dựng các lĩnh vực khác nhau và đóng góp lớn trong thắng lợi của cuộc kháng chiến. Họ được đào tạo bài bản từ hệ thống giáo dục chủ yếu của Pháp kể cả trong và ngoài nước nên so với mặt bằng dân trí lúc bấy giờ họ là những người hiểu biết rộng và có trình độ cao. Với đặc điểm cần cù, ham học hỏi, tự tôn dân tộc cao, lòng yêu nước sâu sắc,... tầng lớp trí thức này đã có những đóng góp to lớn cho đất nước trong kháng chiến. Trong giáo dục, họ có vai trò quan trọng trong việc tổ chức xóa nạn mù chữ, phát triển bình dân học vụ, duy trì nền đại học và đặc biệt là phát triển giáo dục phổ thông ở các cấp, điều chỉnh chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện thời chiến. Trong lĩnh vực y tế, họ đã linh hoạt, thích ứng với hoàn cảnh và sáng

tạo trong cách dạy, cách thực hành tại các trường đại học, trung cấp nhằm đào tạo nhiều cán bộ y tế, đáp ứng yêu cầu và hoàn cảnh của đất nước thời chiến. Trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, các kỹ sư đã đóng góp trí tuệ của mình vào việc sáng tạo, chế tạo ra các loại vũ khí mới trong những hoàn cảnh khó khăn để góp phần vào thắng lợi của cuộc chiến tranh nhân dân. Trong lĩnh vực tài chính, một số trí thức đứng đầu Bộ Tài chính như: Phạm Văn Đồng, Lê Văn Hiến, Trịnh Văn Bính, Nguyễn Lương Bằng, Lê Viết Lượm... đã khéo léo chèo lái và giữ vững nền tài chính Việt Nam từ trống rỗng đến việc duy trì, ổn định nền tài chính, phục vụ đắc lực cho cuộc kháng chiến.

#### 4. Mức độ tham gia cách mạng

Căn cứ vào mức độ tham gia hoạt động cách mạng trước tháng Tám năm 1945 (bao gồm những người tham gia các tổ chức cách mạng từ ngày 31/12/1944 trở về trước; những người hoạt động cách mạng từ ngày 1/1/1945 đến trước ngày 19/8/1945 - những người hoạt động cách mạng tiền khởi nghĩa) và tham gia kháng chiến chống Pháp từ tháng 9/1945 trở đi, có thể phân thành hai dạng trí thức:

- Những trí thức tham gia kháng chiến và đã từng hoạt động cách mạng chuyên nghiệp (tức hoạt động bí mật hoặc công khai) từ những năm 1920, 1930 (tạm gọi là trước Cách mạng tháng Tám năm 1945). Theo số liệu thống kê, nhóm trí thức này chiếm 16%, điển hình như: Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Hà Huy Giáp, Trần Văn Giàu, Lê Văn Hiến, Trần Duy Hưng, Ung Văn Khiêm, Cao Hồng Lãnh, Trần Huy Liệu, Lê Viết Lượm, Huỳnh Văn Nghệ, Nguyễn Văn Nguyễn, Tôn Quang Phiệt,

Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Khánh Toàn, Bùi Công Trùng... Hầu hết họ là Đảng viên Đảng Cộng sản.

- Trí thức tham gia kháng chiến chống Pháp từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 chiếm đa số (84%). Điều này cho thấy, trước Cách mạng tháng Tám, nhiều trí thức chưa có điều kiện tham gia hoạt động cách mạng, mà chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực chuyên môn (y tế, văn hóa, văn học, luật...) hoặc thể hiện lòng yêu nước thông qua các hoạt động như báo *Thanh Nghị*, *Tri tân*..., các tổ chức xã hội: Trí tri, Truyền bá Quốc ngữ, Hướng đạo sinh.... Có thể nói, Cách mạng tháng Tám đã làm thay đổi nhận thức và tác động trực tiếp đến giới trí thức, khiến họ nhanh chóng tham gia vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Cuộc cách mạng này thực sự là cơ hội để hình thành một phong trào trí thức, qua đó người trí thức thể hiện công khai lòng yêu nước của mình, xả thân vì cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Trong nhóm trí thức tham gia kháng chiến này, nhiều người giữ các vị trí quan trọng trong Chính phủ, ở các bộ, ngành và các địa phương. Một số trí thức được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (sau Đại hội Đảng lần thứ II là Đảng Lao động Việt Nam) ngay trong cuộc kháng chiến, như: Phạm Ngọc Thạch (kết nạp Đảng năm 1945), Vũ Văn Cận (1946), Đặng Thai Mai (1946), Tạ Quang Bửu (1947), Hoàng Xuân Nhị (1947), Hoàng Đạo Thúy (1947), Hoàng Minh Giám (1950), Nguyễn Văn Hường (1953), Phạm Huy Thông (1953)...

Cũng trong nhóm trí thức này, nhiều người là thành viên của Đảng Dân chủ (Việt Nam tự giải tán năm 1988) như: Đỗ

Đức Dục, Dương Đức Hiền, Vũ Đình Hòe, Trần Đăng Khoa, Phan Mỹ, Huỳnh Văn Tiêng, Nguyễn Tấn Gi Trọng, Nghiêm Xuân Yêm... Một số trí thức là thành viên của Đảng Xã hội (Việt Nam tự giải tán năm 1988) như: Phan Anh, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Cao Luyện, Phan Tư Nghĩa, Đặng Phúc Thông, Nguyễn Xiển,... Và nhiều người không đứng trong hàng ngũ của chính đảng nào, như: Hồ Đắc Di, Bùi Bằng Đoàn, Nguyễn Văn Huyền, Đặng Văn Hường, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Kế Toại...

### 5. Các thế hệ trí thức tham gia kháng chiến

Dựa trên số liệu khảo cứu 300 trí thức về độ tuổi và hoàn cảnh lịch sử, có thể phân chia trí thức tham gia kháng chiến chống Pháp thành hai thế hệ khác nhau (Xem thêm: Trần Ngọc Vương, 2010):

- Thế hệ trí thức sinh trước năm 1920 (*Thế hệ 1925: trí thức Âu hóa* - theo cách gọi của GS. Trịnh Văn Thảo). Nghiên cứu về thế hệ trí thức này, Trịnh Văn Thảo (2013) lý giải rằng: “Với thế hệ trí thức được sinh ra đầu thế kỷ XX, nước Việt Nam đã làm thay đổi vận mệnh của mình và gắn liền với cuộc cách mạng Bôn-sê-vích”. Tuy nhiên, cách phân chia này cũng chỉ mang tính tương đối, vì theo số liệu chúng tôi khảo cứu, có cả những người sinh vào cuối thế kỷ XIX, đã tích cực tham gia và có ảnh hưởng, đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Theo thống kê của chúng tôi, thế hệ trí thức 1925 chiếm số lượng đông đảo (83%).

- Thế hệ trí thức sinh từ năm 1920 đến khoảng 1930 (*Thế hệ trí thức 1945* - theo cách gọi của chúng tôi). Đối với thế hệ này, giới trí thức trưởng thành và chịu ảnh hưởng sâu sắc của Cách mạng tháng

Tám 1945, dự phần vào những biến động to lớn của đất nước, đặc biệt là thành công của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đây là thế hệ trí thức được hình thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Đặc điểm của thế hệ này là một bộ phận (nhóm 1) chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền giáo dục Pháp, nhiều người tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học trước năm 1945. Một số khác (nhóm 2), tính đến năm 1945, còn đang đi học nhưng cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền giáo dục Pháp; trong bối cảnh giao thời (Cách mạng tháng Tám), họ đã nhận thức được những biến động của thời cuộc và nhanh chóng tham gia vào cuộc kháng chiến của dân tộc; họ tiếp tục trưởng thành, được đào tạo tại các trường trung cấp, trường đại học trong kháng chiến và dần tạo dựng được ảnh hưởng, tên tuổi của mình. Theo tiêu chí này, bước đầu chúng tôi thống kê có 51/300 trí thức thuộc thế hệ 1945 (chiếm 17%). Họ là lớp thanh niên trí thức vừa trưởng thành, vừa tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Như vậy, từ kết quả khảo cứu, chúng tôi thấy rằng sự tham gia của thế hệ trí thức 1925 lớn hơn (về mặt số lượng) so với thế hệ trí thức 1945. Tính đến năm 1945, thế hệ trí thức 1925 đang ở độ tuổi chín của cuộc đời và sự nghiệp; họ đã tạo dựng được một số thành tựu, tên tuổi nhất định trong những hoạt động mà họ tham gia; trong kháng chiến, họ cũng giữ những vị trí và vai trò quan trọng, góp phần vào việc bồi dưỡng, đào tạo cho thế hệ kế tiếp là thế hệ trí thức 1945. Về thế hệ trí thức 1945, vào thời điểm Cách mạng tháng Tám, họ bắt đầu bước vào ngưỡng cửa cuộc đời, đủ trưởng thành để

lựa chọn con đường đi (tham gia kháng chiến) cho riêng mình. Trong kháng chiến, họ tiếp tục học tập, thấm nhuần nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Marx-Lenin, trở thành những trí thức mới, cũng như thấm nhuần tư tưởng dân tộc và giai cấp. Thế hệ này có những đóng góp không nhỏ cho cuộc kháng chiến, và đặc biệt họ là những người dự phần quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa sau năm 1954.

Ngoài ra, tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng có những trường hợp khá đặc biệt: có những gia đình cả hai thế hệ trí thức cùng tham gia kháng chiến, đó là: Phan Kế Toại (cha) - Phan Kế An (con); Nguyễn Đỗ Mục (cha) - Nguyễn Đỗ Cung (con); Đặng Văn Hường (cha) - Đặng Văn Việt (con). Có trường hợp nhiều trí thức trong một thế hệ của một gia đình cùng tham gia như: anh em Vũ Cao, Vũ Tú Nam, Vũ Ngọc Bình; vợ chồng Trần Bửu Kiếm, Phạm Thị Yên.

Giai đoạn 1930-1945, đa phần trí thức chưa có điều kiện tham gia cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Một mặt là do vào thời điểm ấy, nhiều trí thức chưa hoàn toàn tin tưởng vào đường hướng cách mạng, vào phương thức giành lại nền độc lập nên còn e ngại, do dự. Mặt khác, quan điểm nặng về đấu tranh giai cấp cũng là một trong những lý do chưa quy tụ được trí thức tham gia cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, một bộ phận lớn trí thức đã lựa chọn tham gia kháng chiến. Cũng có thể nói, sự kiện Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tác động vô cùng lớn lao đối với trí thức. Họ nhận thức được sự dẫn dắt của

Việt Minh, của Đảng Cộng sản và sẵn sàng tham gia kháng chiến giành lại nền độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng.

## 6. Kết luận

Nhìn chung, trí thức tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp có nguồn gốc xuất thân đa dạng, trình độ học thức phong phú, nhưng họ đều có một đặc điểm chung là lòng yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, sẵn sàng hy sinh bản thân vì độc lập của quốc gia. Trong kháng chiến đã hình thành nên một thế hệ trí thức mới, bên cạnh những trí thức đã thành danh từ thời kỳ trước đó. Cả hai thế hệ trí thức này có vai trò quan

trọng trong cuộc kháng chiến và công cuộc xây dựng đất nước khi hòa bình lập lại (1954) □

## Tài liệu tham khảo

1. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 5 (2000), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trịnh Văn Thảo (2013), *Ba thế hệ trí thức người Việt Nam (1862-1954): Nghiên cứu lịch sử xã hội*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Trần Ngọc Vương (2010), “Giới trí thức tinh hoa trong lịch sử Việt Nam”, Tạp chí *Tia sáng*, số 9.